

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	2-5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	7-8
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	9-31

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*Quý II năm 2011**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011**Đơn vị tính: đồng*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		305.910.016.333	309.829.849.033
<u>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</u>	110		42.273.261.280	89.121.950.659
1. Tiền	111	V.01	37.273.261.280	38.121.950.659
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	51.000.000.000
<u>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</u>	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<u>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</u>	130		233.842.757.445	184.862.827.184
1. Phải thu của khách hàng	131	V.02	153.986.420.583	120.771.355.392
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	76.158.753.702	59.798.193.807
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	3.705.383.160	4.301.077.985
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(7.800.000)	(7.800.000)
<u>IV. Hàng tồn kho</u>	140		20.044.865.761	26.776.575.170
1. Hàng tồn kho	141	V.05	20.044.865.761	26.776.575.170
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<u>V. Tài sản ngắn hạn khác</u>	150		9.749.131.847	9.068.496.020
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	5.609.412.249	776.963.738
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		345.141.335	4.670.392.725
3. Thuế & các khoản phải thu nhà nước	154			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.08	3.794.578.263	3.621.139.557

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Quý II năm 2011**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		305.910.016.333	309.829.849.033
<u>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</u>	110		42.273.261.280	89.121.950.659
1. Tiền	111	V.01	37.273.261.280	38.121.950.659
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	51.000.000.000
<u>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</u>	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<u>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</u>	130		233.842.757.445	184.862.827.184
1. Phải thu của khách hàng	131	V.02	153.986.420.583	120.771.355.392
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	76.158.753.702	59.798.193.807
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	3.705.383.160	4.301.077.985
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(7.800.000)	(7.800.000)
<u>IV. Hàng tồn kho</u>	140		20.044.865.761	26.776.575.170
1. Hàng tồn kho	141	V.05	20.044.865.761	26.776.575.170
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<u>V. Tài sản ngắn hạn khác</u>	150		9.749.131.847	9.068.496.020
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	5.609.412.249	776.963.738
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		345.141.335	4.670.392.725
3. Thuế & các khoản phải thu nhà nước	154			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.08	3.794.578.263	3.621.139.557

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		304.113.877.178	302.336.943.551
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		194.581.184.802	196.830.209.701
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	193.971.854.195	142.471.113.648
- Nguyên giá	222		303.959.182.725	231.122.564.493
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(109.987.328.530)	(88.651.450.845)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10		2.447.972.976
- Nguyên giá	225			4.519.334.928
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			(2.071.361.952)
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	609.330.607	51.911.123.077
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		81.989.908.319	81.093.215.114
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		31.102.928.319	7.894.235.114
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	50.886.980.000	73.198.980.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		27.542.784.057	24.413.518.736
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	26.122.784.057	22.993.518.736
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	1.420.000.000	1.420.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		610.023.893.511	612.166.792.584

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾ DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		225.812.313.150	236.817.164.854
<u>I. Nợ ngắn hạn</u>	310		167.399.958.070	186.690.610.131
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	8.007.272.000	13.785.855.280
2. Phải trả cho người bán	312	V.16	65.894.297.995	70.972.192.881
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	7.203.692.615	18.213.191.208
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	26.243.613.688	32.215.345.051
5. Phải trả người lao động	315		14.210.216.497	20.195.874.113
6. Chi phí phải trả	316	V.29	23.771.740.471	3.761.408.031
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	14.796.949.622	15.081.959.438
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	7.272.175.182	12.464.784.129
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
<u>II. Nợ dài hạn</u>	330		58.412.355.080	50.126.554.723
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		970.200.000	970.200.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	56.522.344.024	48.381.571.760
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.23	919.811.056	774.782.963
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400	V.24	336.128.255.551	333.981.846.044
<u>I. Vốn chủ sở hữu</u>	410		336.128.255.551	333.981.846.044
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		186.999.050.000	186.999.050.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.000.950.000	8.000.950.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(13.492.590)	(13.492.590)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	23.563.288.535	21.923.344.430
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		15.306.694.622	14.522.717.547
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		102.271.764.984	102.549.276.657
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp				
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.26	48.083.324.810	41.367.781.686
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		610.023.893.511	612.166.792.584

Người lập biểu

Phạm Thị Hồng Thắm

Kế toán trưởng

Đỗ Thanh Trường

Lập ngày 20 tháng 08 năm 2011

Giám đốc



Nguyễn Văn Uẩn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2011

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	234.806.593.699	242.227.130.859	397.772.794.649	383.967.679.398
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		234.806.593.699	242.227.130.859	397.772.794.649	383.967.679.398
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	177.915.427.923	195.662.941.367	306.228.784.043	299.946.346.502
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		56.891.165.776	46.564.189.492	91.544.010.606	84.021.332.896
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	499.332.319	677.099.865	2.941.002.015	1.978.226.999
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.041.886.229	570.722.248	5.194.346.480	1.161.858.591
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		1.101.835.733	569.246.311	2.210.940.715	1.157.156.052
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	956.847.925	302.578.331	1.302.320.313	599.048.136
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	7.694.689.376	6.760.903.184	14.678.795.391	12.487.348.308
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		44.697.074.565	39.607.085.594	73.309.550.437	71.751.304.860
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.172.602.007	444.922.844	1.242.464.063	781.476.852
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.320.896.662	793.495.383	1.325.019.234	813.145.080
13. Lợi nhuận khác	40		(148.294.655)	(348.572.539)	(82.555.171)	(31.668.228)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(439.354.819)	166.853.568	(891.306.795)	166.853.568
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		44.548.779.910	39.258.513.055	72.335.688.471	71.886.490.200
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		13.023.909.240	10.074.056.333	19.736.795.664	17.985.025.810
16. Chi phí thuế TNDN được miễn giảm	52		-	-	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	53		-	-	-	245.973.314
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31.524.870.670	29.184.456.722	52.598.892.807	53.655.491.076
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		4.991.405.353	2.493.382.626	8.731.617.835	3.837.508.865
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		26.094.110.498	26.691.074.096	43.867.274.972	49.817.982.211
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.377	1.313	2.346	2.664

Lập ngày 20 tháng 08 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Hồng Thắm

Đỗ Thanh Trường

Nguyễn Văn Uẩn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)***Quý II năm 2011**

Đơn vị tính : đồng

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		72.335.688.471	71.886.490.200
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		20.302.175.503	15.438.362.781
-	Các khoản dự phòng	03		-	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.700.888.162)	(2.027.034.192)
-	Chi phí lãi vay	06		2.210.940.715	1.157.156.052
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		92.147.916.527	86.454.974.841
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(47.104.881.890)	(86.356.537.972)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.731.709.409	(5.867.178.168)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(27.938.051.923)	83.730.950.758
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.961.713.832)	(2.413.046.083)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(2.450.940.715)	(1.297.156.052)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(26.548.737.124)	(12.755.334.188)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		4.262.853.940	264.350.000
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(12.202.772.469)	(6.178.176.296)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(21.064.618.077)	55.582.846.840
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(18.910.186.524)	(13.262.245.980)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.036.363.637	619.320.722
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(24.100.000.000)	(31.599.600.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾ DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		22.312.000.000	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	4.266.147.041	1.957.192.472
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(15.395.675.846)</i>	<i>(42.285.332.786)</i>
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		10.422.372.264	829.000.000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7.726.850.000)	(4.815.250.000)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	V.16	(333.333.280)	(1.250.000.010)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.750.584.440)	(41.234.402.500)
7.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông thiểu số	37		(4.926.625.000)	
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(10.388.395.456)</i>	<i>(46.470.652.510)</i>
	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>(46.848.689.379)</i>	<i>(33.173.138.456)</i>
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	89.121.950.659	94.099.994.680
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	42.273.261.280	60.926.856.224

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 20 tháng 08 năm 2011

Giám đốc

Phạm Thị Hồng Thắm

Đỗ Thanh Trường

Nguyễn Văn Uẩn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 Năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 Năm 2011 của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ
3. Hoạt động kinh doanh chính : Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa, Dịch vụ logistics, Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, Đại lý vận tải đường biển, Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, Dịch vụ khai thuê hải quan, Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa (trừ kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật), Dịch vụ cung cấp tàu biển.

4. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đại lý Tân Cảng Số Một	Số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP Hồ Chí Minh	51%	51%
Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Số Hai	Cảng Tân Cảng - Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%

5. Danh sách Công ty liên kết áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty	Quyền biểu quyết của Công ty
Công ty Cổ phần Tiếp vận Suối Năng	Số 40, đường 41, khu phố 4, phường Thảo Điền, quận 2, TP Hồ Chí Minh	49%	49%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress	Cảng Tân Cảng - Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	30.2%	40%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến	1295B Nguyễn Thị Định, P.Cát	36%	36%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thành

Lái, quận 2, TP.HCM

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các công ty liên kết

- Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Tập đoàn trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của Công ty con.

Các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập bằng cách cộng từng chỉ tiêu thuộc Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con sau đó thực hiện điều chỉnh cho các nội dung sau:

- Giá trị ghi sổ khoản đầu tư của Công ty mẹ trong Công ty con và phần vốn của Công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con được loại trừ toàn bộ;
- Lợi ích của cổ đông thiểu số được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu tách biệt với nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Phần sở hữu của cổ đông thiểu số được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Giá trị các khoản mục phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ hoàn toàn;
- Các chỉ tiêu doanh thu, chi phí phát sinh từ việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ giữa Công ty mẹ và Công ty con, cổ tức, lợi nhuận đã phân chia và đã ghi nhận được loại trừ toàn bộ.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6-7
Máy móc và thiết bị	6-7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-6
Tài sản cố định khác	4

7. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài được công bố tại thuyết minh số IV.6.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách và:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

- Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá thị trường của chứng khoán chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường này, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên thì không trích lập dự phòng.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào cổ phiếu, đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí kho bãi

Chi phí đầu tư xây dựng bãi chứa container rỗng (depot) được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê kho bãi là 60 tháng.

Chi phí thuê xe đầu kéo

Chi phí thuê xe đầu kéo được phân bổ theo thời gian thuê.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾ DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

, Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

KẾ TOÁN # 2 8/2011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	83.853.992	176.012.143
Tiền gửi ngân hàng	37.189.407.288	37.945.938.516
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở xuống)	5.000.000.000	51.000.000.000
Cộng	42.273.261.280	89.121.950.659

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu phí dịch vụ xếp dỡ Container	41.267.361.537	24.384.282.296
Phải thu dịch vụ vận chuyển	70.729.175.752	50.533.791.738
Phải thu dịch vụ depot	27.953.101.965	33.881.722.834
Phải thu dịch vụ SC cont	3.002.079.261	2.041.216.806
Phải thu về hoạt động xây lắp	277.365.714	
Phải thu về các dịch vụ khác	10.757.336.354	9.930.341.718
Cộng	153.986.420.583	120.771.355.392

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Về sửa chữa, xây dựng cơ bản	9.993.866.150	638.910.000
Về mua sắm tài sản cố định	38.406.752.259	39.702.723.541
Về dịch vụ xếp dỡ, vận chuyển	-	
Về hoạt động xây lắp	27.431.417.757	18.590.591.371
Về các dịch vụ khác	326.717.536	865.968.895
Cộng	76.158.753.702	59.798.193.807

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu tiền thuế TNCN người lao động		
Các khoản phải thu khác	3.705.383.160	4.301.077.985
Cộng	3.705.383.160	4.301.077.985

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là khoản lập dự phòng phải thu tiền hàng Công ty tạp phẩm Sài Gòn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	3.813.274.868	3.875.749.035
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	16.231.590.893	22.900.826.135
Cộng	<u>20.044.865.761</u>	<u>26.776.575.170</u>

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	3.024.243.949	1.790.317.981
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	770.334.314	1.830.821.576
Cộng	<u>3.794.578.263</u>	<u>3.621.139.557</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	9.967.742.069	134.875.693.337	84.543.474.199	1.614.970.842	120.684.046	231.122.564.493
Mua sắm mới	46.176.670	70.220.901.830	4.511.334.928	137.119.090	39.700.000	74.963.232.518
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						
Nhận vốn góp bằng tài sản tại Công ty con						
Thanh lý, nhượng bán			(2.134.614.286)			(2.134.614.286)
Số cuối kỳ	10.013.918.739	205.096.595.167	86.936.194.841	1.752.089.932	160.384.046	303.959.182.725
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	830.645.172	63.381.388.059	23.653.730.223	760.618.956	25.068.435	88.651.450.845
Khấu hao trong kỳ	833.210.544	12.522.357.559	8.744.971.302	258.008.361	14.989.689	22.373.537.455
Thanh lý, nhượng bán			(1.037.659.770)			(1.037.659.770)
Số cuối kỳ	1.663.855.716	75.903.745.618	31.361.041.755	1.018.627.317	40.058.124	109.987.328.530
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	9.137.096.897	71.494.305.278	60.889.743.976	854.351.886	95.615.611	142.471.113.648
Số cuối kỳ	8.350.063.023	129.192.849.549	55.575.153.086	733.462.615	120.325.922	193.971.854.195

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Là máy móc thiết bị đi thuê tài chính, chi tiết:

	<u>Máy móc thiết bị</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	4.519.334.928
Giảm trong năm	(4.519.334.928)
Số cuối năm	<u>-</u>
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	2.071.361.952
Tăng trong năm do khấu hao	188.305.632
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(2.259.667.584)
Số cuối năm	<u>-</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	2.447.972.976
Số cuối năm	<u>-</u>

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	51.309.859.216		51.301.792.470		8.066.746
XDCB dở dang	601.263.861	-	-	-	601.263.861
Cộng	<u>51.911.123.077</u>	<u>-</u>	<u>51.301.792.470</u>	<u>-</u>	<u>609.330.607</u>

11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

<u>Tên công ty</u>	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress ⁽ⁱ⁾	40%	3.775.442.161	40%	4.854.818.140
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành ⁽ⁱⁱ⁾	36%	24.090.252.382	36%	500.000.000
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Suối Năng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	49%	3.237.233.776	49%	2.539.416.974
Cộng		<u>31.102.928.319</u>		<u>7.894.235.114</u>

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3501556139 ngày 10 tháng 3 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress 7.146.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Trong năm và tại ngày kết thúc năm tài chính,

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Công ty đã đầu tư đủ 7.146.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress.

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0310151577 ngày 12 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành 54.000.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp 24.600.000.000 VND, tương đương 16,4% vốn điều lệ (số đầu năm là 500.000.000 VND, tương đương 0,3% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành là 29.400.000.000 VND.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 41103200063 ngày 30 tháng 3 năm 2009 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp Vận Suối Năng 98.000 USD, tương đương 49% vốn điều lệ. Công ty đã đầu tư đủ số vốn đã cam kết.

12. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		14.666.980.000		14.666.980.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội	871.698	14.666.980.000	871.698	14.666.980.000
Đầu tư vào đơn vị khác		53.832.000.000		53.832.000.000
- Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	750.000	7.500.000.000	750.000	7.500.000.000
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước (*)			1.231.200	12.312.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu	800.000	8.000.000.000	800.000	8.000.000.000
- Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
- Công ty Cổ phần Tân Cảng 128				
- Hải Phòng	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
- Đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng Mỹ Thới – An Giang	100.000	1.020.000.000	100.000	1.020.000.000
- Tổng Công ty Bến Thành ^(a)				10.000.000.000
Đầu tư hợp tác kinh doanh ^(b)		4.700.000.000		4.700.000.000
Cộng		50.886.980.000		73.198.980.000

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác là do Công ty là cổ đông sáng lập góp vốn thành lập các Công ty cổ phần với số vốn điều lệ cam kết góp nhỏ hơn 20% số vốn điều lệ của các Công ty Cổ phần mới thành lập.

(*) Trong kỳ, Công ty đã thoái vốn đầu tư vào Công ty CP Tân Cảng Hiệp Phước theo nghị quyết HĐQT số 531/NQ-HĐQT ngày 16/10/2010.

^(a) Trong kỳ, Công ty đã thu hồi 10.000.000.000 VND của Tổng Công ty Bến Thành để góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành theo “Thỏa thuận nguyên tắc” về việc thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành.

^(b) Là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh để thực hiện xây dựng cầu tàu, bến sà lan phục vụ cho hoạt động kinh doanh nâng hạ container với Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái

13. Chi phí trả trước dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số đầu năm	22.993.518.736
Tăng trong kỳ	7.835.645.673
Kết chuyển vào chi phí	(4.706.380.352)
Số cuối kỳ	26.122.784.057

14. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn thuê kho bãi.

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Nợ dài hạn đến hạn trả
Số đầu năm	13.785.855.280
Tăng trong kỳ	
Giảm trong kỳ	5.778.583.280
Số cuối kỳ	8.007.272.000

16. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Về chi phí bốc xếp, vận chuyển	32.746.990.769	32.853.799.949
Về chi phí nguyên vật liệu	948.817.700	4.074.016.465
Về mua sắm, sửa chữa tài sản cố định	10.483.810.340	12.509.540.238
Về hoạt động xây dựng	12.480.429.777	13.750.625.934
Lãi vay phải trả		240.000.000
Về chi phí dịch vụ khác	9.234.249.409	7.544.210.295
Cộng	65.894.297.995	70.972.192.881

17. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng ứng trước tiền dịch vụ,	190.442.893	78.028.750
Về hoạt động xây lắp	7.013.249.722	18.135.162.458
Cộng	7.203.692.615	18.213.191.208

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.880.682.289	10.440.470.657	6.011.255.378	6.309.897.568
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	3.593.934.828	1.688.373.186	5.282.308.014	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.503.817.628	19.736.795.664	26.548.737.124	19.691.876.168
Thuế thu nhập cá nhân	184.788.881	5.452.991.801	5.395.940.730	241.839.952
Thuế nhà thầu	52.121.425	623.343.423	675.464.848	-
Các loại thuế khác		9.000.000	9.000.000	
Cộng	<u>32.215.345.051</u>	<u>37.327.631.308</u>	<u>43.299.362.671</u>	<u>26.243.613.688</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	72.335.688.471	71.886.490.200
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.910.320.751	53.613.039
- Các khoản chi phí không hợp lệ	885.810.913	578.216.467
- Lãi tính thuế năm 2010 phát sinh từ chênh lệch giá trị góp vốn và giá trị còn lại của tài sản công ty mẹ góp vốn vào Công ty con	1.633.828.374	1.633.828.368
- Lãi từ hoạt động hợp tác kinh doanh	(1.541.873.855)	(32.508.087)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của năm trước	2.434.785.798	
Lợi nhuận, cổ tức được chia	(1.429.637.058)	
- Lãi từ Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ	891.306.795	(166.853.568)
- Các khoản chi phí chưa có hóa đơn năm 2009 đã có hóa đơn năm 2010		(983.893.257)
- Điều chỉnh giảm các khoản phát sinh lãi lỗ chưa thực hiện trong tập đoàn	(963.900.216)	(975.176.884)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾ DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.910.320.751	53.613.039
- Các khoản chi phí không hợp lệ	885.810.913	578.216.467
- Lãi tính thuế năm 2010 phát sinh từ chênh lệch giá trị góp vốn và giá trị còn lại của tài sản công ty mẹ góp vốn vào Công ty con	1.633.828.374	1.633.828.368
- Lãi từ hoạt động hợp tác kinh doanh	(1.541.873.855)	(32.508.087)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của năm trước	2.434.785.798	
Lợi nhuận, cổ tức được chia	(1.429.637.058)	
- Lãi từ Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ	891.306.795	(166.853.568)
- Các khoản chi phí chưa có hóa đơn năm 2009 đã có hóa đơn năm 2010		(983.893.257)
- Điều chỉnh giảm các khoản phát sinh lãi lỗ chưa thực hiện trong tập đoàn	(963.900.216)	(975.176.884)
Tổng thu nhập chịu thuế	74.246.009.222	71.940.103.239
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	18.561.502.306	17.985.025.810
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	1.175.293.358	
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19.736.795.664	17.985.025.810

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí vật tư, phụ tùng, thuê phương tiện	3.686.362.409	
Trích trước chi phí SCL, SCTX, XD CB	2.103.239.188	
Trích trước chi phí điện, nước	214.249.895	
Trích trước chi phí vận chuyển, xếp dỡ	3.203.564.677	
Trích trước thuê bến bãi, văn phòng	168.800.497	
Chi phí hoạt động xây lắp	13.378.649.264	1.854.105.554
Chi phí trích trước khác	1.016.874.541	1.907.302.477
Cộng	23.771.740.471	3.761.408.031

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	2.095.691.813,00	1.692.143.206
Bảo hiểm xã hội, y tế	411.811.577,00	342.996.444
Bảo hiểm thất nghiệp	1.449.296,00	5.925.688
Phải trả tiền đền bù thiệt hại của Sà lan 15	4.814.536.135,00	4.814.536.135
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.156.530.600,00	4.342.518.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả, phải nộp khác	5.316.930.201	3.883.839.965
Cộng	14.796.949.622	15.081.959.438

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	6.651.112.815	2.575.255.971	(5.195.131.892)	4.031.236.894
Quỹ phúc lợi	5.813.671.314	2.575.255.971	(5.805.273.899)	2.583.653.386
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	0	957.284.902	(300.000.000)	657.284.902
Cộng	12.464.784.129	6.107.796.844	(11.300.405.791)	7.272.175.182

22. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trung tâm Triển lãm và Xúc tiến Thương mại Quân đội ^(a)		2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN An Phú ^(b)	18.497.461.024	4.792.188.760
Sở Giao dịch Ngân hàng TMCP Á Châu ^(c)		3.564.500.000
Ngân hàng Natixis – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(d)	38.024.883.000	38.024.883.000
Cộng	56.522.344.024	48.381.571.760

^(a) Trong kỳ, Công ty đã chi trả nợ gốc khoản vay của Trung tâm Triển lãm và Xúc tiến Thương mại Quân đội theo hợp đồng vay số 41/HĐ/CKT-BQP

^(b) Là khoản vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội cụ thể như sau:

- Theo hợp đồng vay số 103.09/APU/TDH.97/180918.02 để xây dựng bến Sà lan tại Cảng Tân Cảng – Cái Mép, thời hạn vay là 05 năm, tài sản đảm bảo bằng 03 chiếc xe nâng QC 23,24,25-40 có giá trị được xác định là 15.500.000.000VNĐ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 52.09/APU/ĐS.06/180918.02.

- Hợp đồng vay số 269.10/APU/TDH.195/180918.01 để xây dựng bến đóng gạo, thời hạn vay là 04 năm, tài sản đảm bảo bằng máy móc và thiết bị hình thành từ vốn vay có giá trị 8.323.386.542VNĐ theo Hợp đồng thế chấp số 155.10/APU/ĐS.35/180918.01 và 156.10/APU/101.TCBĐS/180918.02.

- Hợp đồng vay số 273.10/APU/TDH.198/180918.02 để mua xe nâng rỗng cũ, thời hạn vay 03 năm, tài sản đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay có giá trị 4.384.998.000VNĐ theo Hợp đồng thế chấp số 160.10/APU/ĐS.36/180918.03.

- Hợp đồng vay số 292.10/APU/TDH.210/180918.03 để mua xe nâng hàng và nâng rỗng cũ, thời hạn vay 05 năm, tài sản đảm bảo hình thành từ vốn vay có giá trị 17.156.002.000VNĐ theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 171.10/APU/ĐS.41/180918.04

- Hợp đồng vay số 134.09/APU/TDH.110/180918.05 để xây dựng bãi rỗng số hai và mua khung chụp Stinis, thời hạn vay 03 năm, tài sản đảm bảo hình thành từ vốn vay có giá trị 865.000.000VNĐ theo Hợp đồng thế chấp số 83.09/APU/ĐS.15/180918.03.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

- Hợp đồng vay số 166.09.APU/TDH.134/180918.06 để xây dựng bãi rộng 8.000m² và mua phụ tùng cho cầu Liebherr, thời hạn vay 03 năm, tài sản đảm bảo bằng xe nâng container Kalmar DRF450-60S5K có giá trị 4.200.000.000VND theo Hợp đồng thế chấp số 93.09.APU/ĐS.18/180918.04.

(c) Là khoản vay của Sở giao Dịch Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu theo hợp đồng vay số 71228799 ngày 25/12/2009 để mua xe nâng, thời hạn vay là 03 năm, tài sản đảm bảo là 03 cầu khung bánh lốp trị giá được xác định là 12.123.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp số SGD.BDDN.04021109 ngày 04/12/2009.

(d) Là khoản vay của Ngân hàng Natixis – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để mua 02 cầu bánh lốp (Cầu RTG) tài sản đảm bảo được hình thành từ vốn vay.

23. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	774.782.963
Số trích lập trong năm	163.920.493
Số chi trong năm	(18.892.400)
Số cuối kỳ	919.811.056

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

24. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	186.999.050.000	8.000.950.000	(13.492.590)	21.923.344.430	14.522.717.547	102.549.276.657	333.981.846.044
Lợi nhuận trong kỳ này						43.867.274.972	43.867.274.972
Trích lập các quỹ trong kỳ				3.440.030.972	1.720.015.486	(8.900.077.430)	(3.740.030.972)
Điều chỉnh lợi ích của Công ty mẹ từ các quỹ của Công ty con về lợi nhuận				(1.800.086.867)	(936.038.411)	2.736.125.278	-
Phân phối khen thưởng, phúc lợi tại Số Một						(315.964.551)	(315.964.551)
Thù lao HDQT của Số Một						(79.560.000)	(79.560.000)
Phân phối khen thưởng, phúc lợi tại Số Hai						(891.596.043)	(891.596.043)
Thù lao HDQT của Số Hai						(37.399.999)	(37.399.999)
Điều chỉnh khoản dự phòng vào Công ty Cypress chuyển về cổ đông thiểu số						743.496.100	743.496.100
Chia cổ tức năm 2010						(37.399.810.000)	(37.399.810.000)
Số dư cuối kỳ này	186.999.050.000	8.000.950.000	(13.492.590)	23.563.288.535	15.306.694.622	102.271.764.984	336.128.255.551

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ quý 2 năm 2011

26/31

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

25. Lợi ích cổ đông thiểu số

Số đầu năm	41.367.781.686
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	8.731.617.835
Giảm do trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.160.205.278)
Giảm do chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	(112.373.333)
Điều chỉnh khoản dự phòng năm 2010 vào Công ty Cypress chuyển về cổ đông thiểu số	(743.496.100)
Số cuối kỳ	48.083.324.810

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu**

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	-	17.642.438.821
Doanh thu hợp đồng xây dựng	31.259.979.193	26.479.661.565
Doanh thu cung cấp dịch vụ	203.546.614.506	198.105.030.473
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác		
Cộng	234.806.593.699	242.227.130.859

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	-	16.639.862.734
Giá vốn của hợp đồng xây dựng ^(a)	30.820.438.946	25.828.735.791
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp ^(b)	147.094.988.977	153.194.342.842
Cộng	177.915.427.923	195.662.941.367

^(a) Giá vốn hợp đồng xây dựng trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	3.117.417.546	11.684.081.263
Chi nhân công trực tiếp		
Chi phí sử dụng máy thi công	11.352.857	267.100.002
Chi phí sản xuất chung	438.385.571	7.971.846.413
Chi phí thuê thầu phụ	21.995.181.598	0
Tổng chi phí sản xuất	25.562.337.572	19.923.027.678
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.258.101.374	5.905.708.113
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	30.820.438.946	25.828.735.791

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
--	--------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	461.759.252	659.454.225
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	37.573.067	3.382.540
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	14263100	-
Cộng	499.332.319	677.099.865
4. Chi phí tài chính		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.101.815.733	569.246.311
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.940.030.496	1.475.937
Cộng	4.041.886.229	570.722.248
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí nhân viên	-	17.078.882
Chi phí vật liệu, bao bì	-	26.300.531
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	16.557.302
Chi phí dịch vụ mua ngoài	858.153.445	224.308.282
Chi phí bằng tiền khác	98.694.480	18.333.334
Cộng	956.847.925	302.578.331
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	4.222.761.145	3.019.399.702
Chi phí vật liệu quản lý	771.555.924	39.003.576
Chi phí đồ dùng văn phòng	222.060.527	833.408.005
Chi phí khấu hao TSCĐ	184.195.211	140.002.420
Thuế, phí và lệ phí	78.793.296	34.979.529
Chi phí dự phòng	15.094.350	13.271.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.442.417.862	1.899.106.972
Chi phí bằng tiền khác	757.811.061	781.731.820
Cộng	7.694.689.376	6.760.903.184
7. Thu nhập khác		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, Phạt do tiêu hao nhiên liệu vượt quá định mức, Thu khác	1.172.602.007	444.922.844
Cộng	1.172.602.007	444.922.844
8. Chi phí khác		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tiền phạt vi phạm hợp đồng, vi phạm giao thông	-	7.022.600

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu		164.591.680
Chi phí khác	1.320.896.662	621.881.103
Cộng	1.320.896.662	793.495.383

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ	43.867.274.972	49.817.982.211
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	43.867.274.972	49.817.982.211
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.699.905	18.699.905
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.346	2.664

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng - Sóng Thần	Công ty con của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty con của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty con của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng	Công ty con của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép	Công ty con của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
Công ty Cổ phần Tân cảng Cypress	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp vận Suối nằng	Công ty liên kết của Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ	182.878.839.840	193.971.724.026
Mua vật tư phụ tùng của Công ty mẹ	51.175.230	25.125.243
Công ty mẹ cho thuê phương tiện	169.090.909	2.398.377.241
Thuê bến bãi, văn phòng của Công ty mẹ	1.146.820.915	702.230.890
Phải trả Cty mẹ phí điện nước, s/c	894.750.807	761.640.943
Phải trả Cty mẹ phí dịch vụ khác	812.705.828	2.268.576.292
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng		
Phải thu cung cấp dịch vụ	7.060.900.769	22.584.176.376

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Phải trả về cung cấp dịch vụ	9.618.182	12.570.409
Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng – Sóng Thần		
Phải thu cung cấp dịch vụ	47.407.273	2.915.226.264
Phải trả về dịch vụ xếp dỡ		4.140.363.954
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ, nhiên liệu	21.680.020	63.430.875
Phải trả về mua vật tư và dịch vụ sửa chữa	12.297.798.067	7.804.933.752
Công ty CP Tân Cảng Cái Mép		
Phải thu cung cấp dịch vụ	55.316.537.951	55.959.667.029
Công ty CP Tân Cảng Cypress		
Phải thu cung cấp dịch vụ	600.600.454	
Công ty CP ICD TÂN CẢNG LONG BÌNH		
Phải thu cung cấp dịch vụ	43.013.455	45.571.363
Phải trả cung cấp dịch vụ		2.216.515.400
Công ty TNHH MTV XDCT		
Phải trả sửa chữa phương tiện, xây dựng cơ bản khác	4.139.273.840	0
Công ty Cổ phần Tiếp vận Suối Nắng		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Tiếp vận Suối Nắng	2.625.405.017	4.724.291.614

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Phải thu tiền dịch vụ	82.994.581.205	65.036.601.800
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
Phải thu tiền phí dịch vụ	24.750.000	45.637.477
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép		
Phải thu tiền phí dịch vụ	14.499.371.544	41.369.500.850
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng		
Phải thu tiền phí dịch vụ	834.751.283	2.690.956.877
Công ty Cổ phần Tiếp vận Suối Nắng		
Phải thu tiền phí dịch vụ	415.914.705	1.116.446.188
Công ty CP Cảng Cát Lái		
Phải thu về cung cấp dịch vụ	265.603.840	878.417.500
Công ty CP Tân Cảng Cypress		
Phải thu cung cấp dịch vụ	269.200.000	51.550.000
Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng – Sóng Thần		
Phải thu cung cấp dịch vụ	31.400.000	30.615.000
Công ty CP ICD TÂN CẢNG LONG BÌNH		
Phải thu cung cấp dịch vụ	20.391.800	
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng		
Ứng trước tiền xây dựng	925.707.946	
Cộng nợ phải thu	100.281.672.323	110.234.308.192

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn		
Phải trả về dịch vụ được cung cấp		297.493.970
Nhận ứng trước tiền xây dựng công trình	7.024.930.914	18.022.348.798
Phải trả tiền nhiên liệu		244.065.731
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng		
- Sóng Thần		
Phải trả về dịch vụ xếp dỡ	27.586.700	27.586.700
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
Phải trả về cung cấp vật tư, dịch vụ sửa chữa	6.479.700.774	4.765.890.378
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng		
Phải trả về hoạt động xây lắp đã cung cấp	708.245.224	435.504.460
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng		
Phải trả về dịch vụ bốc xếp vận chuyển	7.720.000	37.350.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress		
Phải trả về dịch vụ được cung cấp	52.042.500	237.510.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Suối năng		
Phải trả tiền nhận ký cược ký quỹ thuê kho bãi	970.200.000	1.434.000.000
Cộng nợ phải trả	<u>15.270.426.112</u>	<u>25.501.750.037</u>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Lập, ngày 20 tháng 08 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Hồng Thắm

Đỗ Thanh Trường



Nguyễn Văn Uẩn